

Số: 1000/2024/QĐ-HĐQT

Hà Nội, ngày 08 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

v/v ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 2024, và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức, hoạt động của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á;
- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông SeABank ngày 05/11/2024;
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu biểu quyết lấy ý kiến Hội đồng Quản trị bằng văn bản ngày 08 tháng 11 năm 2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Đông Nam Á;
- Xét tình hình thực tế,

Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đông Nam Á như sau:

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

- Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (“SeABank”) quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, mối quan hệ công tác, quy trình giải quyết công việc, việc kế thừa và đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật các Tổ chức tín dụng, Điều lệ của SeABank và các quy định khác của pháp luật, quy định nội bộ của SeABank có liên quan.
- Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng, và các cá nhân, đơn vị có liên quan trên toàn hệ thống SeABank.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

- “SeABank” hoặc “Ngân hàng” được hiểu là Ngân hàng TMCP Đông Nam Á.
- “Quy chế” được hiểu là Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đông Nam Á.
- “HĐQT” được hiểu là Hội đồng quản trị của SeABank.
- “Chủ tịch HĐQT” được hiểu là Chủ tịch HĐQT SeABank.

5. “**Thành viên HĐQT**” được hiểu là Thành viên HĐQT SeABank.
6. “**Hệ thống SeABank**” được hiểu là SeABank, các đơn vị sự nghiệp, các đơn vị trực thuộc và các Công ty con, Công ty liên kết của SeABank.
7. “**Người quản lý của SEABANK**” bao gồm Chủ tịch và thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác do HĐQT quy định.¹
8. “**Người điều hành của SeABank**” bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của SeABank.²
9. “**Công ty con**” là công ty thuộc một trong các trường hợp sau đây³:
 - a. SEABANK hoặc SEABANK và người có liên quan của SEABANK sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc trên 50% vốn cổ phần có quyền biểu quyết của công ty đó;
 - b. SEABANK có quyền bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên HĐQT, Hội đồng thành viên hoặc Tổng Giám đốc (Giám đốc) của công ty đó;
 - c. SEABANK có quyền sửa đổi, bổ sung điều lệ của công ty đó;
 - d. SEABANK hoặc SEABANK và người có liên quan của SEABANK trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT, Hội đồng thành viên của công ty đó.
10. “**Công ty liên kết**” là công ty trong đó SeABank hoặc SeABank và người có liên quan của SeABank sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc trên 11% số cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là Công ty con của SeABank⁴.
11. “**Cổ đông lớn**” là cổ đông sở hữu từ 05% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của SEABANK, bao gồm cả số cổ phần cổ đông đó sở hữu gián tiếp.⁵
12. “**Người có liên quan**” là các cá nhân, tổ chức được xác định theo khoản 24 Điều 4 Luật các TCTD 2024 và các quy định pháp luật khác có liên quan⁶.
13. “**NHNN**” được hiểu là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
14. “**Luật các Tổ chức tín dụng 2024**” (hoặc “**Luật các TCTD 2024**”) có nghĩa là Luật các tổ chức tín dụng được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18 tháng 01 năm 2024).
15. “**Luật Doanh nghiệp**” (hoặc “**LDN 2020**”) có nghĩa là Luật doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).
16. “**Điều lệ của SeABank**” (hoặc “**Điều lệ**”) được hiểu là Điều lệ tổ chức và hoạt động của SeABank, được Đại hội đồng cổ đông thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản ngày

¹ Khoản 26 Điều 4 Luật các TCTD 2024.

² Khoản 25 Điều 4 Luật các TCTD năm 2024.

³ Khoản 9 Điều 4 Luật các TCTD 2024.

⁴ Khoản 11 Điều 4 Luật các TCTD 2024, Khoản 43 Điều 1 Điều lệ SeABank

⁵ Khoản 4 Điều 4 Luật các TCTD 2024 .

⁶ Khoản 24 Điều 4 Luật các TCTD 2024 và Khoản 41 Điều 1 Điều lệ SeABank

tháng 11 năm 2024, và các Điều lệ sửa đổi, bổ sung theo quyết định của HĐQT trong từng thời kỳ (nếu có).

Điều 3. Cơ cấu tổ chức của HĐQT⁷

1. HĐQT là cơ quan quản trị của SeABank, có toàn quyền nhân danh SeABank để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của SeABank, trừ những vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát của SeABank.
2. Nhiệm kỳ của HĐQT không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT theo nhiệm kỳ của HĐQT. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
3. HĐQT SeABank có tối thiểu 05 thành viên và không quá 11 thành viên. ĐHĐCĐ quyết định số lượng thành viên HĐQT từng nhiệm kỳ khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận⁸.
4. Cơ cấu của HĐQT⁹:
 - a) HĐQT có tối thiểu 02 thành viên độc lập, và 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành của SeABank.
 - b) Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện phần vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia HĐQT, nhưng không được vượt quá 02 thành viên Hội đồng quản trị¹⁰.
 - c) Cơ cấu của HĐQT đảm bảo sự đa dạng về chuyên môn, kinh nghiệm, độ tuổi, giới tính, văn hóa và quan điểm, đặc điểm cá nhân của HĐQT đảm bảo phù hợp với thực tế và nhu cầu quản trị của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
 - d) HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT trong số các thành viên HĐQT. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung, thay thế và đương nhiên mất tư cách của Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên HĐQT phải được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ của SeABank. Trong trường hợp có từ 02 Phó Chủ tịch HĐQT trở lên, HĐQT sẽ bầu một Phó Chủ tịch thứ nhất hoặc một Phó Chủ tịch Thường trực (nếu xét thấy cần thiết).
5. Tiêu chuẩn, điều kiện của Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT:
 - a) Tiêu chuẩn, điều kiện của Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT được bầu bổ sung/ thay thế hoặc nhiệm kỳ mới: thực hiện theo quy định tại Điều 67 Điều lệ SEABANK và quy định pháp luật có liên quan.
 - b) Khi xem xét, thông qua danh sách nhân sự dự kiến bầu thành viên HĐQT trên cơ sở đề cử, ứng cử của cổ đông, HĐQT có thể tham khảo áp dụng các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo thông lệ, chuẩn mực quốc tế tốt về quản trị công ty và dựa trên trình độ, cam kết, vai trò dự kiến của họ trong HĐQT để đảm bảo tính đa dạng, hiệu quả trong cơ cấu HĐQT theo quy định tại điểm c khoản Điều này.

⁷ Điều 50, Khoản 2 Điều 69 Luật các TCTD 2024; Điều 153 và 154 Luật Doanh nghiệp 2020.

⁸ Khoản 4 Điều 67 Luật các TCTD 2024

⁹ Khoản 8 Điều 210 Luật các TCTD 2024

¹⁰ Khoản 3 Điều 69 Luật các TCTD 2024

- c) Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT đương nhiệm không đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a khoản này được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc đến hết thời hạn được bầu.
6. Chủ tịch HĐQT phải là người có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
7. Trường hợp cổ đông nước ngoài (bao gồm cả người Việt Nam định cư ở nước ngoài) tham gia HĐQT phải có thêm các điều kiện sau, trừ trường hợp ĐHCĐ có quyết định khác:
- a. Tỷ lệ số người tham gia thành viên HĐQT chỉ được tương ứng với tỷ lệ vốn góp của tất cả các cổ đông nước ngoài tại SEABANK;
- b. Không được giữ chức Chủ tịch HĐQT của SEABANK.
8. HĐQT thành lập bộ máy giúp việc theo quy định tại Điều 31 Quy chế này để giúp việc cho HĐQT trong việc thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT. Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động của bộ phận giúp việc do HĐQT quy định.

Điều 4. Quy định về kế thừa, tuyển chọn, đề cử, ứng cử, bầu thành viên HĐQT¹¹

1. HĐQT lập kế hoạch nhân sự kế thừa thành viên HĐQT trên cơ sở đề nghị của TGD hoặc/ và UBNS nhằm hạn chế những rủi ro có thể phát sinh từ việc thành viên HĐQT từ nhiệm, đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định pháp luật và/ hoặc Điều lệ Ngân hàng. Theo đó, HĐQT có thể xác định số lượng và danh sách ứng viên tiềm năng đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định pháp luật và quy định của SEABANK trong từng thời kỳ cho vị trí thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT từ các nguồn sau:
- a. Ban Điều hành của Ngân hàng (bao gồm Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc các Khối Phòng/Ban/ Đơn vị), và/ hoặc các cán bộ quản lý khác đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện áp dụng cho thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT và đã có thời gian làm việc tại Ngân hàng tối thiểu 05 năm trở lên; hoặc
- b. Theo giới thiệu của các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc hoặc/ và từ các tổ chức, cung cấp dịch vụ nhân sự chuyên nghiệp khác.
2. HĐQT đương nhiệm sẽ giới thiệu các ứng viên trên để các cổ đông/ nhóm cổ đông tổ chức đề cử hoặc HĐQT đề cử trong trường hợp cổ đông không đề cử đủ số lượng tối thiểu thành viên HĐQT theo quy định pháp luật.
3. Quy trình tuyển chọn, đề cử, ứng cử thành viên HĐQT¹²:
- a) HĐQT (1) thông báo cho các cổ đông số lượng thành viên dự kiến được bầu, số lượng thành viên độc lập của HĐQT, các điều kiện, tiêu chuẩn phải đáp ứng đối với các chức danh được bầu để các cổ đông tự ứng cử hoặc đề cử người giữ các chức danh này theo quy định của Pháp luật và Điều lệ SeABank, (2) và hướng dẫn trình tự, thủ tục, hồ sơ, thời hạn và các nội dung khác liên quan đến việc đề cử, ứng cử cho cổ đông. Số lượng ứng cử viên mà các nhóm cổ đông được quyền đề cử sẽ được xác định theo khoản 1 Điều 73 Điều lệ SeABank.
- b) Trên cơ sở danh sách ứng cử hoặc đề cử của các cổ đông, HĐQT thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn; lập và thông qua danh sách dự kiến nhân sự bầu.

¹¹ Điều 73 Điều lệ SeABank

¹² Điều 73 Điều lệ SeABank.

- c) Trường hợp các cổ đông không ứng cử, đề cử đủ số lượng ứng cử viên đối với thành viên HĐQT (bao gồm cả thành viên độc lập HĐQT), hoặc ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, HĐQT có quyền đề cử bổ sung, thay thế người đủ điều kiện, tiêu chuẩn hoặc tổ chức đề cử các ứng viên còn lại theo trình tự, thủ tục và điều kiện do HĐQT quy định.
 - d) Đối với nhân sự ứng cử hoặc được đề cử không đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định, HĐQT thông báo rõ lý do cho người ứng cử và cổ đông/nhóm cổ đông đề cử nhân sự này.
 - e) HĐQT lập hồ sơ trình NHNN đề nghị chấp thuận Danh sách dự kiến nhân sự theo quy định pháp luật.
 - f) Những người được bầu làm thành viên HĐQT phải thuộc danh sách đã được NHNN chấp thuận. Việc bầu thành viên HĐQT phải hoàn thành trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày ký trên văn bản chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của NHNN.
 - g) Kết quả bầu thành viên HĐQT được thông báo cho NHNN trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày bầu và công bố thông tin theo quy định.¹³
4. Cách thức bầu thành viên HĐQT: Việc bầu thành viên HĐQT phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu x (nhân) với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên HĐQT theo quy định của SeABank trong từng thời kỳ. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí của quy định về bầu cử hoặc Điều lệ SeABank¹⁴
5. ĐHĐCĐ thực hiện bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên HĐQT dưới hình thức bầu dồn phiếu tại cuộc họp phù hợp với các tiêu chuẩn điều kiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế này và Thể lệ bầu cử tại cuộc họp.
6. SeABank sẽ tổ chức bầu bổ sung thành viên HĐQT để đảm bảo đủ số lượng thành viên trong thời hạn **90 ngày** kể từ ngày HĐQT Ngân hàng có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Quy chế này.¹⁵

Điều 5. Nguyên tắc hoạt động của HĐQT¹⁶

1. HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể, kết hợp với sự quản lý, phân công và điều phối của Chủ tịch HĐQT và Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT, tùy thuộc vào cơ chế phân công công việc, phân cấp thẩm quyền của HĐQT.
2. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của HĐQT đã được thông qua.

¹³ Điều 44 Luật TCTD 2024

¹⁴ Khoản 3 Điều 148 LDN 2020, Khoản 3 Điều 38 Điều lệ SeABank

¹⁵ Khoản 2 Điều 50 Luật các TCTD năm 2024

¹⁶ Điều 2 Mẫu Quy chế hoạt động của HĐQT ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.

3. Nghị quyết, Quyết định của HĐQT có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi rõ trong nghị quyết, quyết định đó và tính chất bắt buộc thi hành đối với tất cả các đơn vị và cá nhân trong toàn Hệ thống SeABank.
4. HĐQT giao trách nhiệm, phân công, phân cấp thẩm quyền hoặc/và ủy quyền cho thành viên Ban Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.
5. Tất cả các hoạt động của HĐQT, các thành viên HĐQT và bộ máy giúp việc HĐQT phải bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ của SeABank và bảo đảm lợi ích của SeABank.

CHƯƠNG II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 6. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT¹⁷

1. Quản trị SeABank theo quy định pháp luật, Điều lệ của SeABank và quy định khác của Ngân hàng, đảm bảo Ngân hàng được định hướng, kiểm soát và vận hành đáp ứng quyền, lợi ích và nghĩa vụ của các bên liên quan, phù hợp với định hướng, chiến lược phát triển của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cổ đông, Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao và hoạt động của Ngân hàng.
3. Quyết định việc thành lập chi nhánh, Văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của SEABANK trong nước và tại nước ngoài.
4. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của SEABANK.
5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và người điều hành khác theo quy định nội bộ của HĐQT SEABANK trong từng thời kỳ.
6. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của SEABANK tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của SEABANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; và cử người đại diện vốn góp của SEABANK tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó.
7. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của SEABANK mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của SEABANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ khoản đầu tư, mua, bán tài sản của SEABANK thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.
8. Quyết định các khoản cấp tín dụng trong trường hợp đặc biệt để thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và quy định của pháp luật, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 7 Điều 136 Luật các TCTC năm 2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

¹⁷ Điều 70 Luật các TCTD 2024; Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2020, Điều 278 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP; Điều 51 Điều lệ SeABank.

9. Thông qua các hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của SEABANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa SEABANK với:
 - a) Công ty con, công ty liên kết của SEABANK,
 - b) Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc, cổ đông lớn của SEABANK, người có liên quan của người quản lý, thành viên BKS, cổ đông lớn của SEABANK.
10. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, cầm cố, thế chấp tài sản của Ngân hàng có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Ngân hàng, trừ trường hợp Điều lệ Ngân hàng có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp 2020 và quy định tại Điều lệ Ngân hàng.¹⁸
11. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của SEABANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.
12. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và chuyển giao công nghệ
13. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên của SEABANK.
14. Quyết định chào bán cổ phần mới do SEABANK phát hành trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.
15. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của SEABANK.
16. Quyết định mua lại cổ phần của SEABANK theo phương án được duyệt.
17. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
18. Trích lập và sử dụng các quỹ, chia lợi tức cổ phần theo quyết định của ĐHĐCĐ.
19. Thông báo kịp thời cho NHNN thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc.
20. Việc chỉ định và bãi miễn những người có quyền đại diện thương mại hay đại diện pháp lý của SEABANK.
21. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Ngân hàng.
22. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ sở hữu tại Công ty con, Công ty liên kết do SEABANK thành lập hoặc góp vốn thành lập.
23. Thực hiện các công việc liên quan đến Đại hội đồng cổ đông, bao gồm:
 - a. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan, trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 1 Điều 38 Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật, trừ những nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.
 - b. Thông qua chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp, hình thức họp và phương thức biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông.
 - c. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

¹⁸ Điểm h khoản 2 Điều 153 LDN 2020.

- d. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ.
 - e. Thực hiện các công việc hoặc giao dịch khác được ĐHĐCĐ giao hoặc/ và ủy quyền.
24. Thực hiện các công việc liên quan đến hoạt động của HĐQT bao gồm:
- a. Thông qua chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
 - b. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.
25. Thực hiện các công việc liên quan đến Ban Tổng Giám đốc, gồm:
- a. Phê duyệt kế hoạch kinh doanh hàng năm do Tổng Giám đốc đề nghị.
 - b. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật hoặc/ và được phân công, phân cấp thẩm quyền, ủy quyền thực hiện;
 - c. Định kỳ hàng năm đánh giá hiệu quả làm việc của Ban Tổng giám đốc.
 - d. Thực hiện giám sát của quản lý cấp cao đối với Ban Tổng Giám đốc theo quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của SeABank và pháp luật có liên quan.
26. Ban hành các văn bản, quy định nội bộ của SeABank:
- a. Ban hành các Quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của SEABANK phù hợp với các quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, Ban Kiểm soát.
 - b. Xây dựng Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi ban hành.
 - c. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của SEABANK.
 - d. Các quy định nội bộ khác thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định của SeABank và pháp luật có liên quan trong từng thời kỳ.
27. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác ngoài thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, hoặc/ và theo sự phân công và/ hoặc giao và ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, quy định của Điều lệ và quy định của pháp luật.

CHƯƠNG III

TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN BẦU, BỔ NHIỆM, BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Thành viên HĐQT

Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên HĐQT thực hiện theo Khoản 1 Điều 67 Điều lệ của SeABank.

Điều 8. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Thành viên HĐQT độc lập

Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên HĐQT thực hiện theo Khoản 2 Điều 67 Điều lệ của SeABank.

Điều 9. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ

Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ thực hiện theo Điều 71 Điều lệ của SeABank.

Điều 10. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ

Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ thực hiện theo Điều 72 Điều lệ của SeABank.

Điều 11. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT

1. Đương nhiên mất tư cách của thành viên HĐQT thực hiện theo Điều 75 Điều lệ của SeABank.
2. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT thực hiện theo Điều 76 Điều lệ của SeABank.

Điều 12. Thay thế và bổ sung thành viên HĐQT

1. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT, phù hợp với quy định của SeABank trong từng thời kỳ. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.¹⁹
2. Trường hợp Chủ tịch HĐQT bị đương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT thì Phó Chủ tịch thứ nhất hoặc Phó Chủ tịch Thường trực hoặc một Phó Chủ tịch (trong trường hợp không có Phó Chủ tịch thứ nhất, Phó Chủ tịch Thường trực) tạm thời điều hành công việc của HĐQT. Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày Chủ tịch HĐQT bị đương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT, các thành viên HĐQT có trách nhiệm tổ chức họp HĐQT để bầu một trong các Phó Chủ tịch hoặc một thành viên HĐQT (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành) làm Chủ tịch HĐQT.
3. Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐQT muốn thôi đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch phải có đơn gửi đến HĐQT. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn, HĐQT phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐQT theo quy định hiện hành.
4. Thành viên HĐQT muốn thôi đảm nhiệm chức vụ phải có đơn hoặc văn bản gửi HĐQT để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
5. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên HĐQT mới để thay thế cho thành viên HĐQT bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.
6. Những người được bầu giữ chức Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thành viên HĐQT có trách nhiệm tiếp nhận và đảm nhiệm ngay công việc của chức danh được bầu. Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên HĐQT bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên HĐQT mới được bầu xử lý; đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian đảm nhiệm chức danh đó.

¹⁹ Khoản 4 Điều 156 LDN 2020, Khoản 2 Điều 52 Điều lệ SeABA.

CHƯƠNG IV

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch HĐQT²⁰

Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật của SeABank, trừ trường hợp ĐHĐCĐ hoặc HĐQT có quyết định khác, có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:

1. Lập chương trình công tác, kế hoạch hoạt động của HĐQT để trình HĐQT thông qua; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
2. Thay mặt HĐQT ký các văn bản thuộc thẩm quyền của HĐQT.
3. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên HĐQT thực hiện công tác quản trị Ngân hàng và giám sát các thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ và các nhiệm vụ được phân công, phân cấp thẩm quyền.
4. Chỉ đạo chuẩn bị nội dung, chương trình và tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa các cuộc họp của HĐQT để thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT.
5. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT và giám sát, tổ chức giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.
6. Làm chủ tọa họp ĐHĐCĐ.
7. Bảo đảm các thành viên HĐQT nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà HĐQT phải xem xét
8. Ủy quyền cho Phó Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên HĐQT thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ.
9. Định kỳ hàng năm, đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên HĐQT, các Ủy ban/Hội đồng/Ban trực thuộc HĐQT và báo cáo ĐHĐCĐ về kết quả đánh giá này;
10. Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của SeABank.

Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Chủ tịch HĐQT

1. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn do Chủ tịch phân công.
2. Theo ủy quyền hoặc phân công của Chủ tịch HĐQT, thay mặt Chủ tịch HĐQT giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền của Chủ tịch HĐQT khi Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ.
3. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác của thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ SeABank và Quy chế này.

Điều 15. Quyền và Nghĩa vụ của Thành viên HĐQT, thành viên HĐQT độc lập²¹

1. Thành viên HĐQT có các quyền và nghĩa vụ sau đây
 - a. Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên HĐQT theo đúng quy định pháp luật, quy định nội bộ của Ngân hàng và/ hoặc phân công, phân cấp thẩm quyền, giao nhiệm vụ một cách

²⁰ Điều 71 Luật các TCTD 2024, khoản 3 Điều 52 Điều lệ SeABank

²¹ Điều 72 Luật các TCTD 2024 Khoản 5,6 Điều 52 Điều lệ SeABank

trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của Ngân hàng và cổ đông; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình;

- b. Xem xét báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người điều hành ngân hàng, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình, làm rõ các vấn đề có liên quan đến báo cáo;
- c. Đề nghị Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT bất thường theo quy định;
- d. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT; thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và các quy định nội bộ có liên quan. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước ĐHĐCĐ và trước HĐQT về những ý kiến của mình; Trường hợp nội dung biểu quyết có xung đột lợi ích hoặc có liên quan tới lợi ích của thành viên nào thì thành viên đó không được tham gia biểu quyết.
- e. Thành viên HĐQT không được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp HĐQT để quyết định nội dung quy định tại các khoản 1, 4, 5, 6, 8, 9, 10, 12, 14, 15, 19 Điều 51 Điều lệ SeABank.
- f. Tham gia các Ủy ban/ Tiểu Ủy ban/ Hội đồng ... theo phân công, giao nhiệm vụ của HĐQT;
- g. Thực hiện nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và của HĐQT;
- h. Giải trình trước ĐHĐCĐ, HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi được yêu cầu;
- i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT;
- j. Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng, kế hoạch hoạt động kinh doanh của SEABANK trong từng thời kỳ;
- k. Báo cáo kịp thời và đầy đủ với HĐQT các khoản thù lao mà thành viên HĐQT nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
- l. Báo cáo UBCKNN, Sở Giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của SEABANK theo quy định của pháp luật
- m. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho SeABank về quyền lợi có thể gây xung đột mà mình có được ở các tổ chức khác, giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột lợi ích với SeABank và chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi HĐQT đã xem xét và chấp thuận.
- n. Không được cạnh tranh bất hợp pháp với SeABank hoặc tạo điều kiện cho bên thứ ba gây tổn hại lợi ích của SeABank.
- o. Không được tạo điều kiện để cá nhân mình hoặc người có liên quan của mình theo quy định tại Điều lệ vay vốn, sử dụng các dịch vụ ngân hàng khác của SeABank với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của SeABank.
- p. Không được tăng thù lao hoặc yêu cầu trả thưởng khi SeABank bị lỗ.
- q. Trung thành với lợi ích của SeABank và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của SeABank, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của SeABank để thu lợi cá nhân phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác hoặc làm tổn hại tới lợi ích của SeABank và các cổ đông.
- r. Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của SeABank.

2. Thành viên độc lập HĐQT có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a. Lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật chứng khoán;
 - b. Tham gia các Ủy ban/ Tiểu Ủy ban/ Hội đồng ... theo phân công, giao nhiệm vụ của HĐQT;
 - c. Thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn do Chủ tịch phân công và các quyền hạn, nhiệm vụ khác của thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

CHƯƠNG V

CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

VÀ LẤY Ý KIẾN THÀNH VIÊN HĐQT BẰNG VĂN BẢN

Điều 16. Quy định về cuộc họp đầu tiên của HĐQT²²

Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn (07) bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một người trong số họ triệu tập họp HĐQT.

Điều 17. Cuộc họp của HĐQT²³

1. Cuộc họp thường kỳ: HĐQT họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần.
2. Cuộc họp Bất thường: Cuộc họp bất thường của HĐQT được Chủ tịch HĐQT triệu tập nếu xét thấy cần thiết hoặc theo đề nghị của:
 - a. Ít nhất hai thành viên HĐQT;
 - b. BKS hoặc thành viên HĐQT độc lập;
 - c. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) chức danh quản lý khác;
 - d. Các trường hợp khác do Điều lệ SeABank quy định.

Đề nghị họp HĐQT phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT. Người có thẩm quyền triệu tập họp HĐQT có quyền từ chối đề nghị nêu trên nếu vấn đề cần thảo luận và quyết định không thuộc thẩm quyền của HĐQT.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp HĐQT bất thường quy định tại khoản 2 Điều này, Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên HĐQT được Chủ tịch ủy quyền phải triệu tập và tiến hành cuộc họp HĐQT bất thường. Trường hợp Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền không triệu tập cuộc họp HĐQT theo đề nghị thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với ngân hàng, trừ trường hợp không triệu tập họp được vì lý do bất khả kháng; trong trường hợp này, người đề nghị triệu tập họp có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường, các thành viên HĐQT dự họp bỏ phiếu bầu chủ tọa cuộc họp.

²² Điều 157 Luật doanh nghiệp 2020, Điều 53 Điều lệ SeABank.

²³ Điều 157 Luật Doanh nghiệp 2020, Điều 53 Điều lệ SeABank.

Điều 18. Địa điểm họp

Các cuộc họp HĐQT sẽ được tiến hành tại địa chỉ trụ sở chính của SeABank hoặc địa điểm khác theo quyết định của Chủ tịch HĐQT.

Điều 19. Thông báo và Chương trình họp²⁴

1. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất (05) năm ngày làm việc trước ngày dự kiến họp. Thông báo về cuộc họp HĐQT được lập thành văn bản bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài (tùy theo khả năng cho phép), trong đó nêu rõ về: chương trình họp, thời gian, địa điểm, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc, biểu quyết tại cuộc họp HĐQT và phiếu biểu quyết của thành viên.
2. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời hoặc/và điện thoại, hoặc/và thư điện tử hoặc/và phương tiện điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến từng thành viên HĐQT.
3. Đối với các trường hợp cần họp khẩn cấp để giải quyết các vấn đề cấp bách, thời hạn thông báo và hình thức thông báo mời họp HĐQT sẽ do Chủ tịch HĐQT quyết định.
4. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với thành viên HĐQT. Các thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết. Các thành viên Ban Tổng Giám đốc, người quản lý, người điều hành hoặc các chuyên gia khác có thể tham dự cuộc họp của HĐQT theo giấy mời của Chủ tịch HĐQT.

Điều 20. Điều kiện tiến hành cuộc họp HĐQT

1. Cuộc họp HĐQT theo giấy triệu tập lần thứ nhất được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên HĐQT trở lên tham dự (trực tiếp hoặc thành viên HĐQT khác được ủy quyền)²⁵. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn 1/2 (một nửa) số thành viên HĐQT dự họp.²⁶
2. Trường hợp không trực tiếp dự họp, thành viên HĐQT có quyền ủy quyền biểu quyết cho một thành viên HĐQT khác hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản. Trường hợp biểu quyết bằng văn bản, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến chủ tọa cuộc họp HĐQT chậm nhất 01 giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những thành viên trực tiếp dự họp.
4. Thành viên HĐQT phải tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT và thành viên được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho thành viên khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định của Điều lệ này và quy định của SEABANK có liên quan, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 5 Điều 52 Điều lệ Ngân hàng;

²⁴ Điều 55 Điều lệ SeABank

²⁵ Khoản 8 Điều 157 Luật Doanh nghiệp 2020.

²⁶ Khoản 8 Điều 157 Luật DN 2020.

- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định của SeABank trong từng thời kỳ;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một giờ trước khi khai mạc và chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Điều 21. Biểu quyết và thông qua chương trình tại cuộc họp HĐQT²⁷

1. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp HĐQT sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp HĐQT. Thành viên HĐQT không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền cho thành viên khác dự họp theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, Quy chế này hoặc thực hiện gửi văn bản theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Quy chế này.
2. Nghị quyết của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên HĐQT dự họp tán thành, bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT uỷ quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt).
3. Thành viên HĐQT có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra HĐQT quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận uỷ quyền của thành viên HĐQT khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.
4. Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên HĐQT và những nghi ngờ đó không được thành viên HĐQT đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của Chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên HĐQT có liên quan đó chưa được biết rõ.
5. Bất kỳ thành viên HĐQT nào có liên quan đến một bên trong hợp đồng, giao dịch được nêu tại Khoản 1 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp 2020 sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng, giao dịch đó.

Điều 22. Tuyên bố quyền lợi

Thành viên HĐQT nếu theo sự hiểu biết của mình thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thoả thuận hay một hợp đồng dự kiến hoặc một thoả thuận dự kiến giao kết với SeABank phải khai báo bản chất quyền lợi liên quan tại cuộc họp HĐQT, tại đây HĐQT sẽ xem xét việc có giao kết các hợp đồng hoặc thoả thuận đó không. Nếu như sau này mới biết về sự tồn tại quyền lợi đó của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo tại cuộc họp HĐQT đầu tiên sau khi thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan.

Điều 23. Tổ chức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản²⁸.

1. Chủ tịch HĐQT quyết định việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản.

²⁷ Điều 56 Điều lệ SeABank

²⁸ Điều 58 Điều lệ SeABank

2. Văn phòng HĐQT chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi bằng bưu điện, thư điện tử hoặc phương thức điện tử khác và bảo đảm đến được từng thành viên HĐQT.
3. Trường hợp HĐQT lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên HĐQT tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:
 - a. Đa số các thành viên HĐQT biểu quyết tán thành đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT uỷ quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt).
 - b. Số lượng thành viên HĐQT có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp HĐQT.
4. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của SeABank (nếu có).
 - b. Mục đích lấy ý kiến.
 - c. Họ, tên và chức vụ của thành viên HĐQT.
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua.
 - e. Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến.
 - f. Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về SeABank.
 - g. Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT.
5. Hình thức gửi Phiếu lấy ý kiến: Chủ tịch HĐQT/Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT xem xét, quyết định gửi Phiếu lấy ý kiến trực tiếp đến địa chỉ liên lạc hoặc/và gửi qua thư điện tử đã đăng ký tại SeABank của thành viên HĐQT.
6. Cách thức bỏ phiếu của các thành viên HĐQT:
 - a. Trường hợp Phiếu lấy ý kiến được gửi trực tiếp tới địa chỉ liên lạc của các thành viên HĐQT: Các thành viên HĐQT biểu quyết thông qua việc ký vào Phiếu lấy ý kiến và gửi về Văn phòng HĐQT theo đúng thời hạn quy định. Nếu quá thời hạn đề nghị gửi lại theo quy định thì Phiếu lấy ý kiến đó được coi như các thành viên không có ý kiến.
 - b. Trường hợp Phiếu lấy ý kiến được gửi qua thư điện tử hoặc phương thức điện tử khác: Các thành viên HĐQT biểu quyết trực tiếp qua thư điện tử hoặc phương tiện điện tử khác. Ý kiến biểu quyết được gửi từ thư điện tử hoặc phương tiện điện tử khác của thành viên HĐQT sẽ được coi là ý kiến biểu quyết chính thức và có hiệu lực của thành viên HĐQT đó. Ý kiến biểu quyết qua thư điện tử hoặc phương tiện điện tử khác trong trường hợp này có giá trị pháp lý tương đương như việc biểu quyết trên văn bản có chữ ký của thành viên HĐQT.
7. Kiểm phiếu biểu quyết và ban hành Nghị quyết:
 - a. Văn phòng HĐQT thực hiện kiểm phiếu biểu quyết, lập biên bản và thực hiện các thủ tục ban hành Nghị quyết (i) ngay sau khi nhận đủ phiếu biểu quyết của các thành viên HĐQT gửi về địa chỉ của Văn phòng HĐQT hoặc gửi về thư điện tử của Văn phòng HĐQT hoặc

phương tiện điện tử khác (nếu có); (ii) hoặc sau khi kết thúc thời hạn lấy ý kiến theo quy định.

- b. Văn phòng HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của tối thiểu một thành viên HĐQT độc lập (hoặc 02 thành viên HĐQT) và thành viên Ban kiểm soát. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của SeABank (nếu có).
- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến.
- Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ. Biên bản phải có phụ lục danh sách thành viên HĐQT đã tham gia biểu quyết.
- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến.
- Họ, tên, chữ ký của người phụ trách kiểm phiếu, người giám sát (nếu có).

8. Văn phòng HĐQT tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
9. Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên HĐQT trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
10. Phiếu lấy ý kiến/ các thư điện tử/Phiếu biểu quyết điện tử đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của SEABANK.
11. Quyết định/Nghị quyết của HĐQT được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản (trực tiếp và/hoặc gửi qua thư điện tử hoặc/ và phương tiện điện tử khác) đều có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp HĐQT.

Điều 24. Biên bản họp HĐQT²⁹

1. Các cuộc họp HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp HĐQT phải được lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, và có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
2. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của nội dung Biên bản họp HĐQT. Chủ tọa cuộc họp HĐQT có trách nhiệm bố trí lập và gửi Biên bản cuộc họp của HĐQT cho các thành viên HĐQT và những biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của Biên bản đó trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày gửi Biên bản.

²⁹ Điều 158 LDN 2020; Điều 57 Điều lệ SeABank

3. Biên bản họp phải có những nội dung chính như sau:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
 - b. Thời gian, địa điểm họp.
 - c. Mục đích, chương trình và nội dung họp.
 - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do.
 - e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp.
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp.
 - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến.
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.
 - i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa, các thành viên HĐQT tham dự họp và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.
4. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 3 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với SeABank do từ chối ký biên bản họp theo quy định tại Điều lệ và pháp luật có liên quan.
5. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của SeABank.
6. Ý kiến thảo luận (ý kiến thống nhất và không thống nhất) và kết luận về hệ thống kiểm soát nội bộ trong cuộc họp của HĐQT được ghi lại bằng văn bản.

Điều 25. Thành phần dự họp HĐQT

1. Trưởng Ban kiểm soát là thành phần tham dự thường xuyên của các cuộc họp HĐQT³⁰. Tổng Giám đốc và các Cán bộ quản lý, chuyên gia khác có thể được mời tham dự họp HĐQT, được quyền phát biểu nhưng không được tham gia biểu quyết.
2. Khách mời hoặc người có liên quan chỉ được mời tham dự cuộc họp của HĐQT khi có sự đồng ý bằng văn bản hoặc giấy mời của Chủ tịch HĐQT.

Điều 26. Cuộc họp HĐQT theo các hình thức trực tuyến

1. Các thành viên HĐQT có thể tham gia họp và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc các hình thức tương tự khác. Việc họp trực tuyến cần đảm bảo : (i) mỗi thành viên họp đều có thể nghe thấy thành viên HĐQT khác tham gia phát biểu tại cuộc họp (ii) phát biểu ý kiến với các thành viên HĐQT khác.
2. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là có mặt tại cuộc họp đó. Địa điểm họp trực tuyến là địa điểm Chủ tọa có mặt hoặc địa điểm tập trung các thành viên HĐQT đồng nhất.

³⁰ Khoản 5 Điều 53 Luật các TCTD 2024.

3. Nghị quyết/quyết định của HĐQT trong trường hợp này sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp. Sau đó, Biên bản họp HĐQT sẽ được hoàn thiện theo quy định tại khoản 3 Điều 23 Quy chế này.

Điều 27. Hiệu lực của các quyết định, nghị quyết của HĐQT

1. Nếu Điều lệ SeABank không quy định khác, nghị quyết, quyết định của HĐQT có hiệu lực thì hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi rõ trong nghị quyết, quyết định đó.
2. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông, thành viên HĐQT yêu cầu khởi kiện hoặc trực tiếp khởi kiện đối với nghị quyết, quyết định đã được thông qua thì nghị quyết, quyết định bị khởi kiện vẫn tiếp tục được thi hành cho đến khi Tòa án hoặc Trọng tài có quyết định khác.

CHƯƠNG VI**MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ****Điều 28. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị**

1. Quan hệ giữa các thành viên HĐQT là quan hệ phối hợp, các thành viên HĐQT có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được giao nhiệm vụ, hoặc/ và phân công, phân cấp thẩm quyền.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên HĐQT được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên HĐQT khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên HĐQT còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch HĐQT hoặc/ và Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên HĐQT thì các thành viên HĐQT phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch HĐQT/ Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT về việc bàn giao đó.

Điều 29. Mối quan hệ với Ban Tổng Giám đốc

Với vai trò quản trị, HĐQT ban hành các nghị quyết/quyết định để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, HĐQT kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết/quyết định.

Điều 30. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa HĐQT và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa HĐQT với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, HĐQT có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VII**CÁC QUY ĐỊNH KHÁC**

Điều 31. Bộ máy giúp việc của HĐQT³¹

1. HĐQT sẽ sử dụng Bộ máy giúp việc và con dấu của SeABank để thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ của mình.
2. HĐQT sẽ có các chuyên gia/ trợ lý giúp việc chuyên trách và sẽ quy định cụ thể số lượng và các nhiệm vụ của mỗi chuyên gia/trợ lý giúp việc.
3. HĐQT chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Ngân hàng để hỗ trợ hoạt động quản trị Ngân hàng được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị Ngân hàng phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện và có các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật và quy định của SEABANK có liên quan. Người phụ trách Quản trị Ngân hàng có thể kiêm nhiệm Thư ký Công ty theo quy định của LDN 2020.
4. HĐQT phải thành lập các Ủy ban để giúp HĐQT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó phải có 02 Ủy ban, bao gồm Ủy ban nhân sự và Ủy ban Quản lý rủi ro. HĐQT quy định việc thành lập, giải thể, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ chế hoạt động, ra quyết định của các Ủy ban và/hoặc cơ quan trực thuộc HĐQT, phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật và quy định của SeABank trong từng thời kỳ.
5. Hội đồng quản trị có thể thành lập Ủy ban kiểm toán là cơ quan chuyên môn trực thuộc Hội đồng quản trị. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán có thể là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.³²
6. Hội đồng Quản trị có thể thành lập Ủy ban Môi trường – Xã hội – Quản trị (ESG) là cơ quan chuyên môn trực thuộc HĐQT, tham mưu, giúp việc cho HĐQT trong việc xây dựng, thực thi chiến lược về ESG của Ngân hàng.

Điều 32. Trình báo cáo hằng năm³³

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
 - a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Ngân hàng;
 - b. Báo cáo tài chính;
 - c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Ngân hàng;
 - d. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.
2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ không có quy định khác.
3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Ngân hàng không quy định thời hạn khác dài hơn.

Điều 33. Thù lao và kinh phí hoạt động

Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên HĐQT được hưởng thù lao, lương, thưởng, lợi ích khác và được chi trả các chi phí hợp lý cần thiết khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và được thực hiện theo quy định riêng của HĐQT trong từng thời kỳ, phù hợp với quy định pháp luật có liên quan.

³¹Khoản 4,5 Điều 50 Luật các TCTD 2024, Điều 59 Điều lệ SeABank

³² Điều 161 Luật Doanh nghiệp 2020.

³³ Khoản 1 Điều 175 Luật DN 2020

Điều 34. Chế độ thông tin báo cáo HĐQT

1. Nơi tiếp nhận các thông tin, báo cáo, thư từ của HĐQT là Văn phòng HĐQT, trừ các thông tin, báo cáo, thư từ ghi đích danh cá nhân thành viên HĐQT.
2. Tổng Giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc được uỷ quyền có trách nhiệm gửi báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động của SeABank theo yêu cầu công tác quản trị của HĐQT. Văn phòng HĐQT có trách nhiệm sao gửi đến các thành viên HĐQT những thông tin cần thiết khi có yêu cầu.
3. Các thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc và Người phụ trách các đơn vị trong Ngân hàng cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của SeABank cũng như của từng đơn vị trong SeABank.
4. Tất cả các báo cáo chính thức của SeABank gửi HĐQT phải có chữ ký và ghi rõ tên của người có trách nhiệm và được bảo quản như tài liệu mật của SeABank.
5. Các văn bản của Tổng Giám đốc gửi đến các cơ quan quản lý Nhà nước các cấp, các cơ quan thông tin đại chúng theo yêu cầu hợp pháp của các cơ quan đó đều phải đồng thời gửi cho Chủ tịch HĐQT/ Phó Chủ tịch HĐQT để báo cáo.
6. Các thành viên HĐQT, Văn phòng HĐQT phải tuân thủ việc bảo quản hồ sơ và bảo vệ thông tin theo quy định của Nhà nước và của SeABank về chế độ thông tin, bảo quản tài liệu.

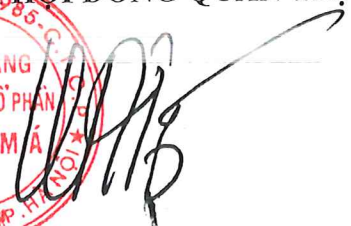
Điều 35. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
2. Trường hợp HĐQT của SEABANK không đáp ứng quy định tại khoản 3, 10 Điều 3 Quy chế này thì được tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ của HĐQT.
3. Người quản lý của SEABANK được bầu, bổ nhiệm trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định tại các Điều 6,7,8,9 Quy chế này thì được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc đến hết thời hạn được bầu, bổ nhiệm.
4. Trường hợp có sự thay đổi các văn bản quy phạm pháp luật được nêu trong Quy chế này, thì các quy định mới đương nhiên có hiệu lực áp dụng.
5. Chủ tịch HĐQT SeABank hướng dẫn và quy định chi tiết các nội dung trong Quy chế này để thực hiện các nhiệm vụ được giao đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ SeABank và Quy chế này.
6. Các thành viên HĐQT, thành viên Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc các Khối/ Trung tâm, Trưởng các Phòng/ Ban tại Hội sở và Giám đốc các chi nhánh và các đơn vị, cá nhân liên quan của SeABank có trách nhiệm thi hành Quy chế này.

Nơi nhận:

- Ban Kiểm soát;
- Như Khoản 6 Điều 35 (để t/h);
- Lưu VPHĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



LÊ VĂN TÂN